TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 85/2021/QĐST-DSST	*T, ngày 02 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ mục 7 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 89/2021/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM (Techcombank);

Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, thành phố H;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Xuân H – CB xử lý nợ, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam;

(Giấy ủy quyền số 334-03/2020/UQ – TCB ngày 15/4/2020)

1.2. Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố H.

1.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phan Văn V, sinh năm 1989;

- Chị Phan Thị T, sinh năm 1991;

- Cháu Phan Văn Đức A, sinh năm 2013 (con anh V, chị T);

- Cháu Phan Ngọc Trâm A1, sinh năm 2014 (con anh V , chị T);

- Cháu Phan Ngọc Quỳnh Anh, sinh năm 2016 (con anh Việt, chị Tâm);

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, anh Việt, chị Tâm: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 (theo giấy ủy quyền ngày 18/11/2021).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả Ngân hàng Techcombank số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 48101/HĐTD/TH – TN/TCB TLG-TTH ngày 07/5/2011 tạm tính đến ngày 23/11/2021 là 2.629.981.907 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm linh bảy đồng); trong đó: 895.830.000 đồng gốc và 1.734.151.907 đồng tiền lãi (lãi trong hạn: 501.754.888đ và lãi quá hạn: 1.232.397.019 đồng).

Ngân hàng không yêu cầu ông S, bà T trả số tiền nợ lãi phạt chậm trả lãi 891.892.884 đồng và 10.000.000 đồng phạt vi phạm hợp đồng.

2.2. Ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị T tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày 24/11/2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 48101/HĐTD/TH – TN/TCB- TLG-TTH ngày 07/5/2011.

2.3. Trường hợp ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầu đủ thì Ngân hàng Techcombank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi toàn bộ khoản nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5, diện tích 172,9m^2 địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, thành phố H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 809058, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00539/QSDĐ/1895/QĐ-UB do UBND huyện T cấp ngày 12/10/2007 cho ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị T);

2.4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị T đối với Techcombank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank.

2.5. Về án phí: Ông Phan Văn S, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Techcombank số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H là **45.800.000** đồng (*Bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2020/0025192 ngày 13/10/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *THADS huyện T;*
- *TANDTP H; VKSNDTP H;*
- *VKSND huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu T